

Số: 27/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 13 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phân bổ bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2026  
nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN  
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 743/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch vốn cấp tỉnh, cấp xã của tỉnh Hưng Yên sau sắp xếp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 744/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp nhận Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2024 kéo dài sang năm 2025 của tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình trước sắp xếp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 791/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc nhiệm vụ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026;*

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý; Báo cáo thẩm tra số 162/BC-KTNS ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thực hiện tiết kiệm 5% vốn ngân sách địa phương theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ với số vốn là 2.127.100 triệu đồng.

**Điều 2.** Phân bổ bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách tỉnh số tiền là 3.130.690 triệu đồng, bao gồm:

- Phân bổ vốn đầu tư công cho các công trình, dự án thuộc các ngành lĩnh vực là 3.105.690 triệu đồng gồm: 70 dự án hoàn thành giai đoạn 2021-2025; 96 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030; 21 dự án khởi công mới (trong đó: hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng đường vào nhà máy đốt chất thải rắn phát điện công nghệ hiện đại tại xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình nay là xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên); 17 dự án chuẩn bị đầu tư;

- Phân bổ vốn đầu tư phát triển khác từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh trả nợ vay Ngân hàng Công thương đầu tư cho Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Thái Bình là 25.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục số I, II, III kèm theo)

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Tập trung chỉ đạo các sở ngành liên quan và chủ đầu tư:

a) Tiếp tục rà soát kỹ lưỡng các dự án trọng điểm, cấp bách, các dự án đủ điều kiện đầu tư theo quy định để phân bổ bổ sung nguồn vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết nhằm kịp thời triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026 đảm bảo tiến độ.

b) Khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư, phê duyệt dự án theo trình tự đầu tư công làm căn cứ phân bổ số vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết theo quy định của Luật Đầu tư công; đôn đốc thường xuyên và chỉ đạo thực hiện công tác giải ngân vốn đầu tư công các công trình, dự án đã được phân bổ vốn đảm bảo 100% kế hoạch vốn được giao trong năm 2026.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII, Kỳ họp thứ Nhất nhất trí thông qua ngày 13 tháng 4 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV<sup>M</sup>.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Văn**

**Phụ lục số 1**  
**DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 - NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH**  
(Nguồn ngân sách tập trung, thu tiền sử dụng đất)

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026		Chi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMBĐT	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>TỔNG SỐ</b>																	
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>																
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>																
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục dựng Phố Hiến	Sở Xây dựng	61/QĐ-SXD ngày 04/3/2026	2.197										2.197			
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ phường Phố Hiến đến xã Hưng Hà	BQL dự án ĐTXD số 02	81/QĐ-BQLĐA2 ngày 18/3/2026	21.957										20.000			
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Đông - Tây nằm ngoài ranh giới dự án Khu công nghiệp Hưng Phú	Ban QLDA ĐTXD số 02	82/QĐ-BQLĐA2 ngày 20/3/2026	1.195										1.000			
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>																
1	Dự án xây dựng đường bên và các cầu vượt trên tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng	BQL dự án đầu tư xây dựng số 1	658/QĐ-UBND ngày 06/9/2026	2.850.000										300.000			
2	Dự án Xây dựng đường trục quy hoạch Bắc Nam từ huyện Văn Lâm đến đường Phạm Ngũ Lão, thị xã Mỹ Hào (giai đoạn I).	BQL dự án đầu tư xây dựng số 1	1885/QĐ-UBND ngày 19/11/2025	698.900				3.000						150.000			
3	Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.71 (đoạn từ ngã tư Công Luận, xã Đông Thành đến ngã ba Cống Trung, xã Phú Thịnh)	BQL dự án đầu tư xây dựng xã Đức Hợp	1992/QĐ-UBND ngày 01/12/2025	90.000				3.000						55.000			
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC NNA&amp;PTNT, THỦY LỢI</b>																
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>																
1	Dự án Nạo vét, kè chống sạt lở bờ kênh M2, huyện Kiến Xương	Ban QLDA ĐTXD số 02	111/QĐ-BQLĐA2 ngày 25/3/2026	740										500			
2	Xử lý cấp bách kế Đại Năm đoạn từ K28+500 đến K29+700 đê Hữu Lộc xã Minh Thọ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	430/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	740										740			
3	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê bao Vũ Văn thuộc đê tả Hồng Hà II đoạn từ K183+000 đến K.183+410 địa phận xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	429/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	460										460			
4	Xử lý cấp bách kế Tân Thành III (đoạn từ K.17+330 đến K.17+530 đê hữu Tra Lý, phường Thái Bình)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	428/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	400										400			
5	Xử lý cấp bách sự cố tràn bờ bao đoạn từ công xã qua đê trạm bơm Lịch Bãi về hạ lưu tương ứng khoảng từ K.185+820 đến K.186+220 đê Tả Hồng Hà II, xã Hồng Vũ, tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	420/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	600										600			

*Nguyễn Văn Tuấn*

TT	Đanh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành				Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026		Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMBĐT	Trong đó NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
6	Dự án xử lý cấp bách xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cầu Lân, xã Nam Cường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	427/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	2.200	2.200	2.200	2.200					2.200		2.200	2.200		
7	Dự án xử lý cấp bách xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cầu sông Diêm Hộ, xã Thái Ninh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	426/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	900	900	900	900					900		900	900		
8	Đầu tư gia cố một số vị trí bị hỏng đoạn kè Nhật Tảo từ K140+500 đến K141+000 và đầu tư xây dựng mới tuyến kè từ K141+000 đến K142+500 đê tá Hồng Hà I, huyện Hưng Hà (nay là xã Long Hưng, tỉnh Hưng Yên)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	419/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	1.400	1.400	1.400	1.400					1.400		1.400	1.400		
9	Xây dựng kè Đò Gồ - Trà Giang từ K39+500 đến K43+500 đê Hữu Trà Lý, xã Trà Giang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	425/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	1.400	1.400	1.400	1.400					1.400		1.400	1.400		
10	Xử lý cấp bách kè chống sạt lở đoạn Kè Phúc Tân (từ K48+700 đến K49+780) và Kè Thuyền Quan (từ K43+800 đến K44+800) thuộc tuyến đê sông tá Trà Lý, thuộc xã Bắc Thái Ninh và xã Tây Thái Ninh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	424/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	800	800	800	800					800		800	800		
11	Nạo vét, kè kãnh Thái Sư và nạo vét, kè kãnh Cung, huyện Hưng Hà (cũ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	423/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	700	700	700	700					700		700	700		
12	Xử lý cấp bách kè chống sạt lở để ổn định dân cư, giữ đất canh tác thuộc địa phận xã Đông Thanh, xã Vạn Xuân (tương ứng từ K0+500 đến K1+250 đê Hữu Trà Lý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	422/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	800	800	800	800					800		800	800		
13	Xử lý cấp bách kè Phương Cục đoạn từ K22+950 đến K23+300 đê Trà Trà Lý, phường Trà Lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	421/QĐ-SNNMT ngày 10/4/2026	400	400	400	400					400		400	400		
b	Dự án hoàn thành																
1	Nạo vét, kè bờ sông Bạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2813/QĐ-UBND ngày 27/11/2009; 533/QĐ-UBND ngày 22/3/2013	126.546	48.601									673	673		
c	Dự án chuyển tiếp																
1	Cải tạo, nâng cấp kênh dẫn trạm bơm tiêu Phú Cường	Xí nghiệp KICT thủy lợi TP Hưng Yên	4034/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	19.000	11.000	11.000	11.000	3.000	3.000	8.000	8.000	8.000		8.000	8.000		
2	Cải tạo, nạo vét sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ cầu An Tảo đến hết địa phận thành phố)	Xí nghiệp KICT thủy lợi TP Hưng Yên	1077/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	12.291	12.291	12.291	14.000	3.784	3.784	8.507	8.507	8.507		8.507	8.507		
3	Tu bổ, sửa chữa hư hỏng, sự cố đê tá Hồng Hà I đoạn từ K136+500 đến K149+400, huyện Hưng Hà	BQL dự án ĐTXD số 02	866/QĐ-UBND ngày 15/5/2025; 2339/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	45.755	19.755	26.000	26.000						10.755	10.755	6.967		
d	Dự án khởi công mới																
1	Dự án Xây dựng công Nghi Xuyên tiêu thoát nước sông Cửu An ra sông Hồng	BQL dự án đầu tư xây dựng số 1	686/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	250.000	250.000	250.000	250.000			250.000	250.000			70.000	70.000		
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước vùng công nghiệp Kim Động, An Thị, Yên Mỹ	BQL dự án đầu tư xây dựng số 1	11/QĐ-UBND ngày 06/01/2026	700.000	700.000	700.000	700.000			700.000	700.000			220.000	220.000		

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMDT	Trong đó NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn tại xã Đức Hợp và xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên	Chi cục Phát triển nông thôn	367/QĐ-UBND ngày 09/02/2026	13.327	13.327	13.327	13.327	13.327				13.300	13.300	13.300			
4	Hỗ trợ đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			267.906	105.500	105.500	105.500	105.500				105.500	105.500	105.500		105.500	
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>			<b>75.000</b>	<b>75.000</b>	<b>75.000</b>	<b>75.000</b>	<b>11.104</b>	<b>11.104</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>38.896</b>	<b>38.896</b>	<b>-</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																
1	Hỗ trợ đầu tư dự án Trường THPT Hưng Yên, TP Hưng Yên ( hạng mục: nhà lớp học bộ môn, nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và công trình phụ trợ)	Trường THPT Hưng Yên	2348/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	25.000	25.000	25.000	25.000	11.104	11.104					13.896	13.896		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>																
1	Dự án Xây dựng Trường THPT Trưng Vương (Hạng mục: Nhà lớp học 04 tầng 28 phòng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ)	BQL dự án đầu tư xây dựng số 1	2144/QĐ-UBND ngày 12/12/2025	50.000	50.000	50.000	50.000	10.000	10.000	4.998	4.998	50.000	50.000	25.000	25.000		
<b>D</b>	<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>			<b>15.474</b>	<b>15.474</b>	<b>14.998</b>	<b>14.998</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>4.998</b>	<b>4.998</b>	<b>4.998</b>	<b>4.998</b>	<b>5.398</b>	<b>5.398</b>	<b>-</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>																
1	Dự án cải tạo, sửa chữa nhà 5 tầng, nhà 3 tầng và một số hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa Thái Bình)	Ban QLDA ĐTXD số 02	162/QĐ-BQLDA ngày 05/9/2025	476	476	476	476							400	400		
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																
1	Cải tạo, sửa chữa khu A, B, H, G của Khối nhà bất giác và một số công trình phụ trợ Bệnh viện Y được cổ truyền tỉnh Hưng Yên	Bệnh viện Y được cổ truyền tỉnh	1439/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	14.998	14.998	14.998	14.998	10.000	10.000	4.998	4.998	4.998	4.998	4.998	4.998		
<b>E</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI</b>			<b>25.906</b>	<b>25.906</b>	<b>25.906</b>	<b>25.906</b>	<b>37.636</b>	<b>9.082</b>	<b>156.233</b>	<b>32.229</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.356</b>	<b>39.356</b>	<b>-</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>																
1	Dự án đầu tư xây dựng Tu bổ, tôn tạo cấp bách Di tích lịch sử cấp Quốc gia Khu Lưu niệm Danh nhân Văn hóa Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà	Ban QLDA ĐTXD số 02	133/QĐ-BQLDA ngày 26/6/2025	428	428	428	428							400	400		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>																
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Lăng và đền thờ Vũ Tiên Công, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động (nay là xã Hiệp Cường), tỉnh Hưng Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	32/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	2.478	2.478	2.478	2.478							2.478	2.478		
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Phú Vi, xã Phương Nam, thành phố Hưng Yên (nay là xã Tân Hưng), tỉnh Hưng Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	258/QĐ-UBND ngày 29/01/2026	9.000	9.000	9.000	9.000							9.000	9.000		
3	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Triệu Đà, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang (nay là xã Phụng Công), tỉnh Hưng Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	29/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	9.500	9.500	9.500	9.500							9.500	9.500		
4	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Đào Nương, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên (nay là phường Phố Hiến), tỉnh Hưng Yên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	30/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	4.500	4.500	4.500	4.500							4.500	4.500		
<b>F</b>	<b>ĐỐI ƯNG DỰ ÁN ODA</b>			<b>252.904</b>	<b>63.406</b>	<b>193.869</b>	<b>41.311</b>	<b>37.636</b>	<b>9.082</b>	<b>156.233</b>	<b>32.229</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.356</b>	<b>39.356</b>	<b>-</b>	

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026		Chị chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMBĐT	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	Dự án chuyển tiếp	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Dự án Tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình, giai đoạn 2020-2023	Sở Y tế	381/QĐ-TTg ngày 16/3/2020; 643/QĐ-UBND ngày 26/02/2021	93.452	18.690	52.333	14.511			52.333	14.511			5.000	5.000		
2	Bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực Đông bằng sông Hồng thực hiện tại tỉnh Thái Bình	BQL dự án đầu tư xây dựng số 2	1255/QĐ-TTg ngày 15/8/2020; 613/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	159.452	44.716	141.536	26.800	37.636	9.082	103.900	17.718			34.356	34.356		
<b>G</b>	<b>LĨNH VỰC KHÁC</b>			6.546	6.546	4.471	4.471	4.471	4.471	-	-	-	-	772	772	-	-
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Bình	Sở Xây dựng	1564/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	6.546	6.546	4.471	4.471	4.471	4.471					772	772		
<b>H</b>	<b>DỰ ÁN THUỐC KÊ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TỈNH DO CẤP XÃ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ</b>			598.247	598.247	441.942	441.942	223.573	223.573	218.370	218.369	-	-	210.608	-	210.608	
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																
1	Cải tạo, nâng cấp đường Đỗ Chính đoạn từ Trung tâm viên thông khu vực IV đến đường Nguyễn Văn Linh (QL-5)		2835/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	42.000	42.000	42.000	42.000	17.343	17.343	24.657	24.657			24.657		24.657	
2	Đường từ Trung tâm viên thông đến nhà máy nước Phố Nối		3234/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	37.000	37.000	37.000	37.000	8.356	8.356	28.644	28.644			28.644		28.644	
3	Xây dựng tuyến đường giao thông khu hành chính thị xã Mỹ Hào		3587/QĐ-UBND ngày 13/9/2024	14.408	14.408	14.408	14.408	7.148	7.148	7.260	7.260			7.260		7.260	
4	Cải tạo mở rộng đường trục trung tâm đoạn giao bên xe đến ĐT.387		2818/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	148.503	148.503	148.503	148.503	119.741	119.741	28.762	28.762			21.000		21.000	
5	Xây dựng đường và kê trung thủy nông Nhân Hòa, kênh tiêu trạm bơm Phú Hữu từ Tô dân phố Lê Xá (phường Nhân Hòa) đến quy hoạch Bắc Nam (xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào)		256/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	276.000	276.000	120.000	120.000	3.467	3.467	116.533	116.533			116.533		116.533	
6	Hạ tầng đầu giá điểm giao dân khu vực Bản Yên Nhân (giai đoạn 2)		1914/QĐ-UBND ngày 20/4/2022; 1988/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	39.865	39.865	39.560	39.560	33.298	33.298	6.262	6.262			6.262		6.262	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ tổ dân phố Yên Tập qua trục kinh tế Bắc - Nam đến ĐH.33		1429/QĐ-UBND ngày 08/6/2023	26.600	26.600	26.600	26.600	22.888	22.888	3.712	3.712			3.712		3.712	
8	Đường vào trường THCS trọng điểm Lê Hữu Trác.		1586/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	13.871	13.871	13.871	13.871	11.331	11.331	2.540	2.540			2.540		2.540	
<b>Xã 2</b>	<b>Phường Thượng Hồng</b>			233.650	233.650	149.254	149.254	95.569	95.569	53.646	53.646	-	-	53.647	-	53.647	
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>																
1	Hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Hòa Phong		3572/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1530/QĐ-UBND ngày 12/6/2020; 7496/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	71.636	71.636	71.636	71.636	67.666	67.666	3.970	3.970			3.970		3.970	
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																

TT	Đanh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026		Chị chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT		Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất	
1	Đường trục phường Bạch Sơn, thị xã Mỹ Hòa (đoạn từ QL.5A đến đường trục trung tâm thị xã Mỹ Hòa)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ QL.5 (cầu vượt Phong Cốc) đến đê Kim Sơn		2663/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 574/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	63.000	63.000	52.618	52.618	26.979	26.979	25.600	25.600	25.600	25.600	25.600	25.600	25.600	25.600
2	Cải tạo, nâng cấp đường GT từ QL.5 (cầu vượt Phong Cốc) đến đê Kim Sơn		1884/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	39.514	39.514	10.000	10.000	528	528	9.472	9.472	9.472	9.472	9.472	9.472	9.472	9.472
c	Dự án khởi công mới																
1	ĐA Hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại phường Bạch Sơn (Vị trí số 01)		787/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	59.500	59.500	15.000	15.000	395	395	14.605	14.605	14.605	14.605	14.605	14.605	14.605	14.605
Xã 3	Phường Đường Hào		2915/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	70.000	70.000	77.947	77.947	49.859	49.859	20.141	20.141	20.141	20.141	20.141	20.141	20.141	20.141
a	Dự án hoàn thành																
1	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Ngọc Lâm		8609/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	30.000	30.000	30.000	30.000	4.972	4.972	25.028	25.028	25.028	25.028	25.028	25.028	25.028	25.028
b	Dự án chuyển tiếp																
1	Xây dựng đường từ QL.5 đến đường QH từ Phùng Chi Kiên đến Đ.T.387		917/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	38.700	38.700	38.700	38.700	20.009	20.009	18.691	18.691	18.691	18.691	18.691	18.691	18.691	18.691
2	Hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị tại xã Ngọc Lâm			31.950	31.950	31.950	31.950	14.286	14.286	17.664	17.664	17.664	17.664	17.664	17.664	17.664	17.664
Xã 4	Xã Như Quỳnh																
a	Dự án hoàn thành																
1	Xây dựng nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Như Quỳnh, điểm trường thôn Ngô Xuyên		1564/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	14.950	14.950	14.950	14.950	13.662	13.662	1.288	1.288	1.288	1.288	1.288	1.288	1.288	1.288
b	Dự án chuyển tiếp																
1	Cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Minh Khai giai đoạn I		3798/QĐ-UBND ngày 13/11/2021; 340/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	17.000	17.000	17.000	17.000	624	624	16.376	16.376	16.376	16.376	16.376	16.376	16.376	16.376
Xã 5	Xã Lạc Đạo			385.245	385.245	384.173	384.173	227.662	227.662	156.511	156.511	156.511	156.511	156.511	156.511	156.511	156.511
b	Dự án chuyển tiếp																
1	Xây dựng đường gom khu công nghiệp phía Nam đường sắt từ thị trấn Như Quỳnh đến xã Lương Tài (Phần kỹ thuật từ giai đoạn I: Đoạn từ TT Như Quỳnh đến Đ.T.380)		956/QĐ-UBND ngày 04/10/2019	245.273	245.273	245.273	245.273	168.333	168.333	76.940	76.940	76.940	76.940	76.940	76.940	76.940	76.940
2	Xây dựng ĐH.15 kéo dài đoạn từ Đ.T.380 đến ĐH.13		3886/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	100.000	100.000	100.000	100.000	34.154	34.154	65.846	65.846	65.846	65.846	65.846	65.846	65.846	65.846
3	Hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại Xã Chi Đạo, huyện Văn Lâm		1010/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	11.172	11.172	10.100	10.100	5.888	5.888	4.212	4.212	4.212	4.212	4.212	4.212	4.212	4.212
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh D3 xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm		3862/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	28.800	28.800	28.800	28.800	19.287	19.287	9.513	9.513	9.513	9.513	9.513	9.513	9.513	9.513
Xã 6	Xã Việt Yên			155.388	155.388	156.200	156.200	111.497	111.497	43.891	43.891	43.891	43.891	43.891	43.891	43.891	43.891
a	Dự án hoàn thành																

TT	Đanh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành				Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Chí chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	NSTT	Nguồn thu sử dụng đất			
				Tổng số	Trong đó NS tỉnh													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐH.34 kéo dài và đường ĐH.45, huyện Yên Mỹ		762/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	5.688	5.688	6.500	6.500	4.716	4.716	972	972	400		400				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Xây dựng đường quy hoạch từ ĐT.382B đến ĐT.379, huyện Yên Mỹ		3929/QĐ-UBND ngày 02/6/2023; 996/QĐ-UBND ngày 25/03/2025	70.200	70.200	70.200	70.200	62.223	62.223	7.977	7.977	1.562		1.562				
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.45 (đoạn từ ĐH.40 đến ĐH.34)		3928/QĐ-UBND ngày 02/06/2023	79.500	79.500	79.500	79.500	44.558	44.558	34.942	34.942	10.200		10.200				
<b>Xã 7 Xã Yên Mỹ</b>				<b>64.712</b>	<b>64.712</b>	<b>55.326</b>	<b>55.326</b>	<b>31.370</b>	<b>31.370</b>	<b>23.342</b>	<b>23.342</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.373</b>	<b>-</b>	<b>18.373</b>		
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																	
1	Xây dựng tuyến đường từ ĐT.382 đến nghĩa trang thôn Từ Đông, xã Lý Thường Kiệt		2562/QĐ-UBND ngày 05/04/2023	40.000	40.000	30.000	30.000	24.849	24.849	5.151	5.151	1.000		1.000				
2	Sửa chữa cầu vượt B22		4375/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	2.119	2.119	2.200	2.200	1.746	1.746	373	373	373		373				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa huyện Yên Mỹ		793/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	14.990	14.990	14.990	14.990	4.417	4.417	10.573	10.573	10.500		10.500				
2	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐT.376 (Đoạn từ Km9+50--Km12+200)		1068/QĐ-UBND ngày 3/4/2025	7.603	7.603	8.136	8.136	358	358	7.245	7.245	6.500		6.500				
<b>Xã 8 Xã Hoàn Long</b>				<b>366.767</b>	<b>360.731</b>	<b>336.542</b>	<b>336.542</b>	<b>208.872</b>	<b>208.872</b>	<b>125.381</b>	<b>125.381</b>	<b>312</b>	<b>312</b>	<b>54.652</b>	<b>-</b>	<b>54.652</b>		
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.20 (từ cầu Tráng Vũ đến hết địa phận xã Đông Thanh, huyện Yên Mỹ)		1616/QĐ-UBND ngày 02/08/2023	20.000	20.000	20.000	20.000	16.542	16.542	3.458	3.458	300		300				
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.23 (từ đường ĐT.382 đến hết địa phận xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ)		1933/QĐ-UBND ngày 29/3/2022	79.990	79.990	57.500	57.500	53.407	53.407	4.093	4.093	200		200				
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐT.381 (đoạn từ Km2+450 qua ngã ba Từ Hồ đến ĐT.379)		5061/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	14.901	14.901	14.900	14.900	14.071	14.071	829	829	200		200				
4	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường Đồng Long		7006/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	5.258	5.258	5.258	5.258	4.260	4.260	998	998	42		42				
5	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đường ĐH.45.		7091/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	3.954	3.954	3.954	3.954	3.222	3.222	732	732	76		76				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Xây dựng, nâng cấp đường giao thông thôn Ốc Nhiều (đoạn từ cầu Ốc Nhiều nối với đường vành đai 4)		3118/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	34.400	30.000	30.000	30.000	23.880	23.880	6.120	6.120	6.120		6.120				
2	Nhà văn hóa thôn đại hành, xã hoàn long		7312/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	11.636	10.000	10.000	10.000	4.286	4.286	5.714	5.714	5.714		5.714				
3	Chợ đầu mối nông sản xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu		3872/QĐ-UBND ngày 12/08/2024	126.641	128.930	128.930	128.930	80.731	80.731	45.910	45.910	19.000		19.000				

TT	Đanh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành			Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Chị chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMBT	Trong đó NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
4	Khu dân cư mới thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long		7090/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	25.554	25.554	24.000	24.000	3.767	3.767	20.233	20.233			9.000			9.000
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Hoàn Long		7089/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	44.433	44.433	42.000	42.000	4.705	4.705	37.295	37.295			14.000			14.000
<b>Xã 9</b>	<b>Xã Văn Giang</b>			<b>193.000</b>	<b>193.000</b>	<b>192.877</b>	<b>192.877</b>	<b>145.296</b>	<b>145.296</b>	<b>47.581</b>	<b>47.581</b>			<b>7.504</b>			<b>7.504</b>
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																
1	Xây dựng vườn hoa khu vực Đền thờ liệt sỹ huyện Văn Giang		4395/QĐ-UBND ngày 5/8/2024	2.597	2.597	2.597	2.597	2.246	2.246	351	351			35			35
2	Xây dựng hệ thống chiếu sáng Đ.T.379 đoạn từ PVF đến hết địa phận huyện Văn Giang		4396/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	8.993	8.993	8.993	8.993	5.634	5.634	3.359	3.359			424			424
3	Hệ thống chiếu sáng đường nội đường Đò Tòng (ĐH.24), đoạn từ Đình làng Phương Trì đến đường Thanh Niên kéo dài		2605/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	2.800	2.800	2.677	2.677	2.642	2.642	35	35			28			28
4	Hệ thống chiếu sáng đường Đò Tòng (ĐH.24), đoạn từ Đình Kim Ngưu, xã Tân Tiến đến Đ.T.377		4940/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	5.490	5.490	5.490	5.490	5.073	5.073	417	417			63			63
5	Đầu tư trang thiết bị lắp đặt hệ thống truyền thanh thông minh tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Văn Giang		4939/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	13.290	13.290	13.290	13.290	11.379	11.379	1.911	1.911			118			118
6	Đường trục chính khu ở đô thị trung tâm huyện Văn Giang		6480/QĐ-UBND ngày 08/12/2020; 1523/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	77.000	77.000	77.000	77.000	49.559	49.559	27.441	27.441			824			824
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																
1	Kè, chỉnh trang cảnh quan hồ thực phẩm trên địa bàn thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang		4628/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	79.800	79.800	79.800	79.800	67.747	67.747	12.053	12.053			4.000			4.000
2	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại thôn Đa Phúc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang		1923/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	3.030	3.030	3.030	3.030	1.018	1.018	2.012	2.012			2.012			2.012
<b>Xã 10</b>	<b>Xã Phụng Công</b>			<b>28.313</b>	<b>28.313</b>	<b>28.313</b>	<b>28.313</b>	<b>23.075</b>	<b>23.075</b>	<b>5.238</b>	<b>5.238</b>			<b>5.238</b>			<b>5.238</b>
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																
1	Sửa chữa nhà khách, nhà ăn Huyện ủy-UBND huyện Văn Giang		4620/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	4.800	4.800	4.800	4.800	4.325	4.325	475	475			475			475
2	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại Thôn 1, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		1924/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	4.488	4.488	4.488	4.488	3.884	3.884	604	604			604			604
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							0	0								
1	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại thôn Hạ, xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		1921/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	4.599	4.599	4.599	4.599	3.439	3.439	1.160	1.160			1.160			1.160
2	Xây dựng nhà da nắng và một số hạng mục phụ trợ trường THPT Văn Giang		5352/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	14.426	14.426	14.426	14.426	11.427	11.427	2.999	2.999			2.999			2.999
<b>Xã 11</b>	<b>Xã Mỹ Sở</b>			<b>20.838</b>	<b>20.838</b>	<b>20.880</b>	<b>20.880</b>	<b>13.953</b>	<b>13.953</b>	<b>6.884</b>	<b>6.884</b>			<b>1.950</b>			<b>1.950</b>
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành			Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao			Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân			Kế hoạch năm 2026 đã giao			Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMĐT	Trong đó NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Phú Thi, xã Mỹ Sơn (gấp xã Bình Minh, huyện Khoái Châu)		5009/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	14.000	14.000	14.000	14.000	9.495	9.495	4.505	4.505	100		100							
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																				
1	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại thôn Phú Thượng, xã Thăng Lợi, huyện Văn Giang		1922/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	2.880	2.880	2.880	2.880	1.859	1.859	1.021	1.021	900		900							
2	Cải tạo, nâng cấp công qua đường Chu Mạnh Trinh và kênh Đồng Phan, xã Mỹ Sơn, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên		873/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	3.958	3.958	4.000	4.000	2.600	2.600	1.358	1.358	950		950							
<b>Xã 12</b>	<b>Xã Nghĩa Trụ</b>			<b>153.915</b>	<b>153.915</b>	<b>153.915</b>	<b>153.915</b>	<b>119.047</b>	<b>119.047</b>	<b>34.868</b>	<b>34.868</b>	<b>156</b>	<b>156</b>	<b>1.324</b>	<b>-</b>	<b>1.324</b>					
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																				
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.20 đoạn từ ĐT.379B đến ĐH.22, huyện Văn Giang		2475/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	53.000	53.000	53.000	53.000	44.628	44.628	8.372	8.372	75	75	60				60			
2	Chỉnh trang cảnh quan khu vực ngã ba giao giữa ĐT.379B và đường Phó Đức Chính, thôn Như Lân, xã Long Hưng, huyện Văn Giang		5015/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	10.546	10.546	10.546	10.546	9.671	9.671	875	875	21	21	49				49			
3	Cầu bắc qua sông Bắc Hưng Hải (kênh Kim Sơn) trên ĐH.22, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang		5132/QĐ-UBND ngày 28/05/2021	65.000	65.000	65.000	65.000	45.989	45.989	19.011	19.011	70		70				70			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																				
1	Các công trình chỉnh trang nông thôn mới kiểu mẫu tại các xã		5137/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	25.369	25.369	25.369	25.369	18.759	18.759	6.610	6.610	60	60	1.145				1.145			
<b>Xã 13</b>	<b>Xã Việt Tiến</b>			<b>149.551</b>	<b>149.551</b>	<b>154.343</b>	<b>154.343</b>	<b>134.168</b>	<b>134.168</b>	<b>15.383</b>	<b>15.383</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.675</b>	<b>-</b>	<b>13.675</b>					
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																				
1	Cải tạo, nâng cấp đường vào nhà thờ bà Hoàng Thị Loan		4875/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	21.543	21.543	21.543	21.543	19.492	19.492	2.051	2.051	342		342				342			
2	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Khoái Châu		6280/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	25.208	25.208	30.000	30.000	22.031	22.031	3.177	3.177			3.177				3.177			
3	Cải tạo nâng cấp Cầu qua sông Điện Biên (thôn Kim Thiệp, Xã Đồng Tiến) huyện Khoái Châu		4272/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	14.800	14.800	14.800	14.800	13.187	13.187	1.613	1.613			1.613				1.613			
4	Khu dân cư Cao Quán xã Hồng Tiến, huyện Khoái Châu		3155/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	88.000	88.000	88.000	88.000	79.457	79.457	8.543	8.543			8.543				8.543			
<b>Xã 14</b>	<b>Xã Chí Minh</b>			<b>19.358</b>	<b>19.358</b>	<b>21.880</b>	<b>21.880</b>	<b>17.988</b>	<b>17.988</b>	<b>1.370</b>	<b>1.370</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>712</b>	<b>-</b>	<b>712</b>					
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																				
1	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật khu di tích lịch sử cây đa Sắt Thị		6689/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	10.800	10.800	10.800	10.800	10.130	10.130	670	670			70				70			
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.51, huyện Khoái Châu (đoạn từ Km14 - Km15 + 600)		52/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	8.558	8.558	11.080	11.080	7.858	7.858	700	700			642				642			
<b>Xã 15</b>	<b>Xã Triệu Việt Vương</b>			<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>	<b>25.621</b>	<b>25.621</b>	<b>74.379</b>	<b>74.379</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.000</b>	<b>-</b>	<b>22.000</b>					
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																				

TT	Đanh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMBĐT	Trong đó NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Cải tạo, chỉnh trang đầm Dạ Trạch, huyện Khoái Châu		4271/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	30.000	30.000	30.000	30.000	25.621	25.621	4.379	4.379	2.000		2.000			
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>																
1	Xây dựng tuyến đường quy hoạch số 1, quy hoạch đô thị hai bên đường ĐH.57 huyện Khoái Châu		5031/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	70.000	70.000	70.000	70.000	-	-	70.000	70.000	20.000		20.000			
<b>Xã 16 Xã Khoái Châu</b>				<b>12.800</b>	<b>12.800</b>	<b>10.300</b>	<b>10.300</b>	<b>4.296</b>	<b>4.296</b>	<b>6.004</b>	<b>6.004</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.859</b>			
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm TDTT huyện Khoái Châu		4345/QĐ-UBND ngày 12/9/2024	4.500	4.500	4.500	4.500	4.296	4.296	204	204	59		59			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																
1	Tu sửa công thoát nước và nạo vét, gia cố mái sông Tây Tân Hưng ( đoạn từ chợ Triều quan đến công Ba Lô)		2818/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	8.300	8.300	5.800	5.800	-	-	5.800	5.800	5.800		5.800			
<b>Xã 17 Xã Tiên Lữ</b>				<b>147.085</b>	<b>147.085</b>	<b>102.924</b>	<b>102.924</b>	<b>40.774</b>	<b>40.774</b>	<b>62.150</b>	<b>62.150</b>	<b>60.649</b>		<b>60.649</b>			
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.92 (Nhánh 2) đoạn từ Km0+00 đến Km2+200		1972/QĐ-UBND ngày 15/10/2019	14.987	14.987	4.987	4.987	3.675	3.675	1.312	1.312	48		48			
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.83 (đoạn từ Km3+300- Km7+040)		2048/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	30.200	30.200	4.639	4.639	1.933	1.933	2.706	2.706	2.706		2.706			
3	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.93 huyện Tiên Lữ (đoạn từ Km4+00 đến ĐT.378)		1844/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	36.918	36.918	28.318	28.318	15.066	15.066	13.252	13.252	13.015		13.015			
4	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Hải Triều		2972/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	14.980	14.980	14.980	14.980	6.500	6.500	8.480	8.480	8.480		8.480			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>													0			
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính xã Thiện Phấn (Đoạn từ công làng Diêm giao với QL.39A đến khu dân cư mới giáp QL.39A)		1371/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	30.000	30.000	30.000	30.000	5.600	5.600	24.400	24.400	24.400		24.400			
2	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Thiện Phấn		4067/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	20.000	20.000	20.000	20.000	8.000	8.000	12.000	12.000	12.000		12.000			
<b>Xã 18 Xã Tiên Hoa</b>				<b>254.564</b>	<b>254.564</b>	<b>235.147</b>	<b>235.147</b>	<b>39.685</b>	<b>39.685</b>	<b>186.173</b>	<b>186.173</b>	<b>77.828</b>		<b>77.828</b>			
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																
1	Xây dựng cầu Diêm xã Minh Phương, trên đường ĐH.92 huyện Tiên Lữ		936/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.817	14.817	14.817	14.817	13.131	13.131	1.686	1.686	1.135		1.135			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục giao thông nội đồng xã Lê Xá		1309/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 4030/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	12.500	12.500	12.500	12.500	10.723	10.723	1.777	1.777	1.600		1.600			
2	Di chuyển đường dây trung hạ thế phục vụ GPMB Cải tạo, nâng cấp ĐH.92 đoạn từ Km0+385 đến Km5+100, huyện Tiên Lữ		1726/QĐ- UBND ngày 04/10/2019	6.536	6.536	6.500	6.500	3.800	3.800	2.700	2.700	371		371			

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành			Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Chị chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó NS tỉnh	TMBT	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3	Xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp ĐH 92 đoạn từ Km0+385 đến Km5+100, huyện Tiên Lữ		2877/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	55.000	55.000	26.330	26.330	12.031	12.031	14.299	14.299	14.299		2.192		2.192	
c	Dự án khởi công mới																
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Cường Chính huyện Tiên Lữ		2758/QĐ-UBND ngày 13/6/2025; 22/NQ-HĐND ngày 20/12/2022	85.711	85.711	95.000	95.000	-	0	85.711	85.711			36.322		36.322	
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Minh Phương huyện Tiên Lữ - giai đoạn 2		710/QĐ-UBND ngày 30/10/2025; 60/NQ-HĐND ngày 15/11/2024	80.000	80.000	80.000	80.000	-	0	80.000	80.000			36.208		36.208	
Xã 19	Xã Hoàng Hoa Thám			1.128.969	1.128.969	1.083.064	1.083.064	403.008	403.008	675.290	675.290	0	0	623.957		623.957	
a	Dự án hoàn thành																
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới số 1 xã Nhật Tân huyện Tiên Lữ		757/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	58.296	58.296	59.915	59.915	48.841	48.841	9.455	9.455			9.455		9.455	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông, vỉa hè khu dân cư xã Dị Chế - Thị trấn Vương huyện Tiên Lữ		4058/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	14.900	14.900	14.900	14.900	10.800	10.800	4.100	4.100			4.085		4.085	
4	Chính trang khu trung tâm huyện Tiên Lữ		4068/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	14.980	14.980	14.980	14.980	12.150	12.150	2.830	2.830			2.830		2.830	
5	Nhà khám và điều trị ngoại trú cùng một số hạng mục phụ trợ, Trung tâm Y tế huyện Tiên Lữ		2656/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	29.242	29.242	29.242	29.242	26.400	26.400	2.842	2.842			1.700		1.700	
6	Trường mầm non trung tâm xã Hưng Đạo		2970/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	35.000	35.000	35.000	35.000	25.000	25.000	10.000	10.000			6.653		6.653	
7	Xây dựng mở rộng cầu Phố Giác huyện Tiên Lữ		1432/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	30.000	30.000	30.000	30.000	26.000	26.000	4.000	4.000			2.700		2.700	
8	Hoàn thiện hệ thống vỉa hè khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Tiên Lữ		2221/QĐ-UBND ngày 9/12/2020	7.000	7.000	7.000	7.000	4.998	4.998	2.002	2.002			367		367	
9	Cải tạo, sửa chữa phòng họp Ban Chấp hành, phòng họp Ban Thường vụ và phòng khách cơ quan Huyện ủy		4056/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	4.463	4.463	4.500	4.500	318	318	4.145	4.145			3.561		3.561	
10	Cải tạo nâng cấp đường ĐH.72 đoạn từ QL.38 đến cầu Nậy (Km7+532-Km10+132)		1808/QĐ-UBND ngày 23/6/2017	63.734	63.734	23.360	23.360	12.151	12.151	11.209	11.209			3.247		3.247	
11	Xây dựng cầu Đền khu Tiên Xá thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ		2154/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	11.821	11.821	14.179	14.179	10.400	10.400	1.421	1.421			1.421		1.421	
b	Dự án chuyển tiếp																
1	Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND huyện		4057/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	7.200	7.200	7.200	7.200	5.000	5.000	2.200	2.200			2.200		2.200	
2	Tu bổ tôn tạo Đền Vương (Đền thờ Ngô Quyền) (giai đoạn 2)		2975/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	48.235	48.235	48.235	48.235	11.200	11.200	37.035	37.035			37.035		37.035	
3	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B (đoạn qua địa phận xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ) đến đường ĐH.82 huyện Phù Cừ		1512/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	50.000	50.000	50.000	50.000	11.039	11.039	38.961	38.961			38.961		38.961	
4	Xây dựng đường nối ĐT.376 với tuyến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình		1443/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	150.000	150.000	150.000	150.000	75.202	75.202	74.798	74.798			74.798		74.798	

TT	Đanh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 để giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026		Chị chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT		Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
5	Xây dựng đường trục Bắc Nam nối QL.38B với đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Gié - Ninh Bình		2571/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	83.512	83.512	83.512	83.512	25.633	25.633	57.879	57.879	57.879		57.879		57.879	
6	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường liên xã Nhật Tân - Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ (từ giao ĐH.72 (chợ Chùa xã Nhật Tân) đến giếng Văn Công xã Hưng Đạo)		2880/QĐ-UBND ngày 18/12/2021	29.000	29.000	29.000	29.000	17.200	17.200	11.800	11.800			7.300		7.300	
7	Cải tạo, nâng cấp ĐH.95 huyện Tiên Lữ (Đoạn từ công Huyện Ủy Tiên Lữ đến đường nối 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Gié - Ninh Bình)		2899/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; 3231/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	79.918	79.918	79.918	79.918	10.000	10.000	69.918	69.918			69.918		69.918	
8	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.94 huyện Tiên Lữ (Đoạn từ Cầu Tam Nông xã Hưng Đạo đến đường bên của tuyến đường bộ nối đường Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Gié - Ninh Bình)		4132/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	20.000	20.000	20.000	20.000	5.000	5.000	15.000	15.000			15.000		15.000	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Ngô Quyền (Đoạn từ ĐH.95 đi ĐH.94)		4130/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	45.000	45.000	45.000	45.000	10.000	10.000	35.000	35.000			35.000		35.000	
10	Đầu tư xây dựng đường nối khu dân cư số 4 thị trấn Vương đến ĐT.376		2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	39.227	39.227	39.800	39.800	7.716	7.716	31.511	31.511			1.000		1.000	
11	Xây dựng đường nối ĐT.376 với ĐH.72 huyện Tiên Lữ		1897/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	31.853	31.853	31.853	31.853	1.191	1.191	30.662	30.662			30.662		30.662	
12	Xây dựng đường tránh ĐH.93 (Đoạn qua xã Dị Chế, xã Nhật Tân, xã An Viên)		1985/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	49.450	49.450	39.416	39.416	18.255	18.255	21.161	21.161			21.161		21.161	
13	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa huyện Tiên Lữ		4133/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	9.704	9.704	9.800	9.800	-	-	9.704	9.704			9.704		9.704	
14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền		1268/QĐ-UBND ngày 06/8/2019; 2305/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	59.777	59.777	59.514	59.514	26.175	26.175	33.339	33.339			33.002		33.002	
15	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Ngô Quyền - Hàng mục cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng		1908/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 4134/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	8.657	8.657	8.740	8.740	2.339	2.339	6.318	6.318			6.318		6.318	
c	<b>Dự án khởi công mới</b>																
1	Xây dựng đường quy hoạch vùng huyện Tiên Lữ (tuyến đường nối từ ĐT.376 đi cụm công nghiệp huyện Phù Cừ)		706/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	105.000	105.000	105.000	105.000	-	-	105.000	105.000			105.000		105.000	
2	Chỉnh trang vỉa hè QL.38B (Từ cầu Quán đó đến đến liệt sỹ) và ĐT.376 (Từ ngã tư Phố Giác đến cầu Địa)		1438/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	43.000	43.000	43.000	43.000	-	-	43.000	43.000			43.000		43.000	
<b>Xã 20</b>	<b>Phường Sơn Nam</b>			<b>838.317</b>	<b>838.317</b>	<b>842.573</b>	<b>842.573</b>	<b>332.894</b>	<b>332.894</b>	<b>502.513</b>	<b>502.513</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>187.234</b>	<b>0</b>	<b>187.234</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>																
1	Xây dựng khu dân cư mới đường trục xã Báo Khê (vị trí số 02)		610/QĐ-UBND ngày 08/02/2021; 377/QĐ-UBND ngày 05/01/2024	56.264	56.264	56.264	56.264	44.023	44.023	12.241	12.241			6.871		6.871	

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026		Chú chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMBT	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT		Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<i>b</i>	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn Tân Mỹ 2 - Tân Trung, xã Phú Cường (đoạn từ đình Bông Châu đến đèo Ông Đùm)		4106/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	21.588	21.588	28.729	28.729	7.000	7.000	14.588	14.588	12.000	12.000	12.000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diệu đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)		2588/QĐ-UBND ngày 12/11/2021; số 990/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	142.403	142.403	142.403	142.403	111.172	111.172	31.231	31.231	27.403	27.403	27.403			
3	Xây dựng khu dân cư mới Xích Đằng, Phường Lam Sơn (Vị trí 02)		4145/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; 178/QĐ-UBND ngày 14/10/2025	98.500	98.500	98.500	98.500	31.945	31.945	66.555	66.555	40.960	40.960	40.960			
4	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (vị trí phía Đông Bắc đô thị Tân Phố Hiến - đường Trần Hưng Đạo)		540/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	82.179	82.179	82.179	82.179	48.903	48.903	33.276	33.276	15.000	15.000	15.000			
5	Xây dựng khu dân cư mới xã Bảo Khê (vị trí số 01 và 02)		4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	110.000	110.000	110.000	110.000	41.045	41.045	68.955	68.955	44.000	44.000	44.000			
6	Cải tạo, nâng cấp đường ven đê tả sông Hồng, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Yên Lệnh)		2120/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	121.582	121.582	121.582	121.582	10.352	10.352	111.230	111.230	20.000	20.000	20.000			
7	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (sau khách sạn Thái Bình)		675/QĐ-UBND ngày 14/3/2025; 308/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	17.410	17.410	14.500	14.500	2.797	2.797	11.703	11.703	6.000	6.000	6.000			
8	Xây dựng khu dân cư mới phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (vị trí giáp Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh và Công ty may Hưng Long)		4029/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	118.702	118.702	118.727	118.727	35.652	35.652	83.050	83.050	5.000	5.000	5.000			
9	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn (Vị trí 01)		4144/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	69.689	69.689	69.689	69.689	5	5	69.684	69.684	10.000	10.000	10.000			
<b>Xã 21</b>	<b>Xã Đoàn Đào</b>			65.629	65.629	47.934	47.934	39.685	39.685	7.291	7.291	7.290	7.290	7.290			
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																
1	Cải tạo, nâng cấp đường GINTT Đoàn Đào (tuyến thôn Đại Duyệt)		3883/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	9.302	9.302	10.260	10.260	8.724	8.724	578	578	578	578	578			
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																
1	Cải tạo, nâng cấp đường GINTT xã Đoàn Đào, đoạn từ QL.38B (Km26+520) đến giao với ĐH.82 (Công làng văn hoá thôn Đại Duyệt)		4799/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	34.760	34.760	34.760	34.760	29.461	29.461	5.299	5.299	5.298	5.298	5.298			
2	Xây dựng cầu Ba Đông trên ĐH.81, huyện Phú Cù		1445/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	21.567	21.567	2.914	2.914	1.500	1.500	1.414	1.414	1.414	1.414	1.414			
<b>Xã 22</b>	<b>Xã Ân Thi</b>			174.700	174.700	174.700	174.700	98.320	98.320	76.380	76.380	16.567	16.567	21.326			
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																
1	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè và hệ thống thoát nước QL.38 và ĐT.376 đoạn qua thị trấn Ân Thi		3039/QĐ-UBND; 21/5/2024	20.000	20.000	20.000	20.000	18.000	18.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000			
2	Nhà hành chính, khám và điều trị Trung tâm Y tế huyện Ân Thi		1011/QĐ-UBND 05/5/2023	34.700	34.700	34.700	34.700	30.374	30.374	4.326	4.326	4.326	4.326	4.326			



TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành			Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMBT	Trong đó NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Xây dựng nhà hiệu bộ và nhà thực hành trường THCS Thủ Sỹ		4032/QĐ-UBND ngày 09/12/2024	32.100	32.100	32.100	32.100	9.154	9.154	22.946	22.946	22.946		22.946		22.946	
2	Đường giao thông xã Tân Hưng (Đoạn từ nhà máy gạch đến đường nói hai đường cao tốc)		1134/QĐ-UBND ngày 16/10/2025	40.000	24.640	24.640	24.640	8.213	8.213	16.427	16.427	16.427		16.427		16.427	
3	Xây dựng đường giao thông từ đường Đình Chày đến đường Đông, xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên		1232/QĐ-UBND ngày 11/11/2025	17.127	4.398	4.398	4.398	1.466	1.466	2.932	2.932	2.932		2.932		2.932	
Xã 27	Xã Nguyễn Trãi			177.810	51.496	48.496	48.496	44.083	44.083	4.413	4.413	4.413		4.413		4.413	
	<b>Dự án hoàn thành</b>																
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.65, huyện Ân Thi (Đoạn từ Nghĩa trang Liệt sỹ xã Cẩm Ninh đến thôn Mèo Xuyên, xã Nguyễn Trãi)		334/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	41.276	41.276	41.276	41.276	38.804	38.804	2.472	2.472	2.472		2.472		2.472	
2	Cải tạo, nâng cấp đường và kê bờ khu vực sông Kê Sắt, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên		2575/QĐ-UBND, 26/9/2017	127.000	7.000	4.000	4.000	3.800	3.800	200	200	200		200		200	
3	Nhà văn hóa thôn Ấp Nhân Lý xã Nguyễn Trãi		405/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	4.900	1.470	1.470	1.470	604	604	866	866	866		866		866	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Đa Lộc (đoạn từ nhà ông Diễm đến Cũ Chìm thôn Văn Nhuệ)		325/QĐ-UBND ngày 6/6/2025	999	300	300	300	0	0	300	300	300		300		300	
5	Cải tạo nhà văn hóa thôn Đa Lộc		1840a/QĐ-UBND ngày 17/10/2025	3.635	1.450	1.450	1.450	875	875	575	575	575		575		575	
Xã 28	Xã Quang Hưng			606.855	541.003	545.947	545.947	300.044	300.044	240.959	240.959	240.959		119.729		119.729	
a	<b>Dự án hoàn thành</b>																
1	Xây mới hệ thống phòng học và phòng chức năng trường tiểu học Minh Tân		4075/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	14.298	14.298	14.990	14.990	12.887	12.887	1.411	1.411	1.411		386		386	
b	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																
1	Xây mới trường mầm non tập trung và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Tống Phan		228/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	95.852	30.000	30.000	30.000	24.070	24.070	5.930	5.930	5.930		3.106		3.106	
2	Đường Trần Cao - Minh Tân và kê mái taluy đường ĐT.386 thuộc địa phận thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ		1479/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	181.111	181.111	181.111	181.111	25.235	25.235	155.876	155.876	155.876		70.000		70.000	
3	Xây dựng tuyến nói từ QL.38 B (cụm công nghiệp Trần Cao - Quang Hưng) đến ĐH.85 huyện Phù Cừ		2576/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	265.000	265.000	265.000	265.000	201.120	201.120	63.880	63.880	63.880		37.000		37.000	
4	Lắp đặt hệ thống camera an ninh và giám sát vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện Phù Cừ		1366/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	20.000	20.000	20.000	20.000	15.459	15.459	4.541	4.541	4.541		1.422		1.422	
5	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục nhà văn hóa trung tâm huyện Phù Cừ (Giai đoạn I)		248/QĐ-UBND ngày 07/02/2020	21.760	21.760	21.846	21.846	21.273	21.273	487	487	487		324		324	
c	<b>Dự án khởi công mới</b>																
1	Di chuyển trạm bơm Quán Bầu phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường trục trung tâm huyện Phù Cừ (đoạn từ cầu Quán Bầu - ĐT386 đến đường ĐH.80 - tuyến tránh QL.38).		1309/QĐ-UBND ngày 05/12/2025	8.834	8.834	13.000	13.000	-	-	8.834	8.834	8.834		7.491		7.491	
Xã 29	Xã Tống Trân			167.289	125.000	125.000	125.000	101.604	101.604	23.396	23.396	23.396	0	4.833	0	4.833	

TT	Đanh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026		Chi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT		Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>																
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ ĐT.378 đi qua Vung Qua đến đình làng Hạ Đồng xã Nguyễn Hòa, huyện Phú Cừ		3961/QĐ-UBND ngày 30/11/2021, 801/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	95.000	95.000	95.000	95.000	74.886	74.886	20.114	20.114	1.551		1.551			
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																
1	Xây dựng trường mầm non tập trung xã Nguyễn Hòa		1930/QĐ-UBND ngày 01/8/2023, 1355/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	72.289	30.000	30.000	30.000	26.718	26.718	3.282	3.282	3.282		3.282			3.282
<b>Xã 30 Xã Xuân Trác</b>				<b>333.358</b>	<b>238.858</b>	<b>244.378</b>	<b>244.378</b>	<b>66.348</b>	<b>66.348</b>	<b>172.510</b>	<b>172.510</b>	<b>100.413</b>	<b>100.413</b>	<b>71.507</b>			<b>71.507</b>
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.62 (đoạn từ QL.38 đến ĐT.384)		1602/QĐ-UBND; 01/8/2023	91.378	91.378	91.378	91.378	18.228	18.228	73.150	73.150	22.413	22.413	50.737			50.737
2	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Quảng Lăng, huyện Ân Thi		696/QĐ-UBND ngày 21/01/2025	122.480	128.000	128.000	128.000	33.576	33.576	88.904	88.904	78.000	78.000	10.904			10.904
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>																
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ GPMB các dự án: Đầu tư xây dựng ĐT382B đoạn Km14+420 - Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải); đầu tư xây dựng đường Yên Du - Phú Ứng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382) huyện Ân Thi và đầu tư xây dựng dự án đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Văn Du huyện Ân Thi (nay là xã Xuân Trác)		1649/QĐ-UBND; 11/11/2025	119.500	25.000	25.000	25.000	14.544	14.544	10.456	10.456	9.866		9.866			9.866
<b>Xã 31 Xã Tiên Tiến</b>				<b>186.605</b>	<b>186.605</b>	<b>190.635</b>	<b>190.635</b>	<b>117.171</b>	<b>117.171</b>	<b>69.434</b>	<b>69.434</b>	<b>7.500</b>	<b>7.500</b>	<b>34.045</b>			<b>34.045</b>
<b>a</b>	<b>Dự án hoàn thành</b>																
1	Cải tạo nâng cấp đường từ ĐH.81 đoạn Duyên Lĩnh (qua chùa Ngã) đến ĐH.83 (đoạn từ Đình Trại đến nhà ông Thân)		3894/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	9.434	9.434	13.413	13.413	6.693	6.693	2.741	2.741	2.741		2.741			2.741
2	Xây dựng tuyến đường nối từ QL.38B đến đường nối từ ĐT.386 (cầu Quan Bàu) với ĐH.81 huyện Phú Cừ		3962/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	63.000	63.000	63.000	63.000	40.760	40.760	22.240	22.240	892		892			892
3	Xây dựng đường GTNT xã Đình Cao (T1: Đường bờ sông Nghĩa Trụ đoạn từ nhà bà Đăng xóm 4 thôn Hà Lĩnh đến Đình Trại; T2: Từ nhà ông Lưu xóm Nam đến 3 công chùa thôn An Nhuệ), huyện Phú Cừ		915/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	8.442	8.442	8.442	8.442	7.657	7.657	785	785	74		74			74
4	Xây dựng mới nhà đa năng phòng học bộ môn trường THCS Đình Cao		4054/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	11.000	11.000	11.000	11.000	10.717	10.717	283	283	43		43			43
5	Xây dựng nhà đa năng, 6 phòng học bộ môn trường trung học cơ sở Nhật Quang		4047/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	14.949	14.949	15.000	15.000	14.243	14.243	706	706	195		195			195
6	Xây dựng nhà 8 phòng học nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Minh Tiến		3897/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	13.251	13.251	13.251	13.251	12.486	12.486	765	765	45		45			45

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư/ đơn vị đề xuất	Quyết định đầu tư hiện hành				Kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã giao		Số vốn đã giải ngân giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại chưa giải ngân		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn ngân sách tỉnh năm 2026			Chi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMBĐT	Trong đó NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: NSTT	Trong đó: Nguồn thu sử dụng đất			
1	Mở rộng trạm y tế xã Minh Tiến huyện Phù Cừ	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
7			3999/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	4.029	4.029	4.029	4.029	3.733	3.733	296	296	55		55				
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH 80 đoạn từ giao ĐH 64 (Km0+210) đến nút giao với đường tránh QL.38 (Km3+910)		3685/QĐ-UBND ngày 23/11/2022; 2920/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	62.500	62.500	62.500	62.500	20.882	20.882	41.618	41.618	7.500	7.500	30.000		30.000		
Xã 32	Xã Hưng Hà		258.442	64.442	64.442	104.252	64.252	74.149	29.149	35.103	35.103	-	-	35.103		35.103		
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Nạo vét và kè sông 223 huyện Hưng Hà		2581/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	84.442	84.442	84.252	44.252	69.149	29.149	15.103	15.103	15.103		15.103		15.103		
2	Đường ĐH.66C đoạn từ quốc lộ 39 đến ĐT.453, huyện Hưng Hà		7420/QĐ-UBND ngày 30/9/2021; 2996/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	174.000	20.000	20.000	20.000	5.000	-	20.000	20.000	20.000		20.000		20.000		
Xã 33	Xã Thái Thụy		465.528	259.341	259.341	236.745	81.672	212.822	31.672	50.000	50.000	-	-	120.889		120.889		
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																	
1	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng ứng phó biến đổi khí hậu huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình		315/QĐ-UBND ngày 04/2/2013; 1243/QĐ-UBND ngày 25/5/2018; 2538/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	261.651	70.823	186.745	31.672	186.745	31.672					889		889		
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>																	
1	Nâng cấp đường phố Hoa Diễm và đường vào khu nhà ở thương mại (QĐT-19), thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy		2235/QĐ-UBND ngày 08/8/2024	95.359	80.000	50.000	50.000	26.077	-	50.000	50.000	50.000		50.000		50.000		
<i>c</i>	<i>Dự án khởi công mới</i>																	
1	Hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng đường vào nhà máy dệt chất thải rắn phát điện công nghệ hiện đại tại xã Thụy Trính, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên)		1501/QĐ-UBND ngày 30/10/2025	108.518	108.518									70.000		70.000		
Xã 34	Xã Quỳnh Phụ		190.991	190.991	190.991	152.247	140.000	152.247	140.000	-	-	-	-	31.810		31.810		
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																	
1	Đường tỉnh 452 (nay là đường tỉnh 452A) từ thị trấn Quỳnh Côi đi xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ		2689/QĐ-UBND ngày 25/11/2022; 686/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	190.991	190.991	152.247	140.000	152.247	140.000					31.810		31.810		
Xã 35	Xã Diêm Điền		11.896	11.896	11.896	10.000	10.000	10.000	10.000	-	-	-	-	1.375		1.375		
<i>a</i>	<i>Dự án hoàn thành</i>																	
1	Xử lý cấp bách kè Nhầm Lang đoạn từ K11+300 đến K11+800 đê Hữu Lược huyện Hưng Hà		1966/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	11.896	11.896	10.000	10.000	10.000	10.000					1.375		1.375		

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 - THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)  
 (Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)  
 Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư hiện hành		Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn năm 2026		Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó NS tỉnh hỗ trợ	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số		Trong đó: Ngân sách tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>267.906</b>	<b>105.500</b>	<b>-</b>	<b>105.500</b>	<b>105.500</b>		
1	<b>Xã Khoái Châu</b> Xây dựng nhà lớp học đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Đồng Kết	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Khoái Châu	764/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	13.000	6.000			6.000	6.000	
-	Nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng Trường THCS Phùng Hưng	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Khoái Châu	760/QĐ-UBND ngày 16/3/2026	34.850	7.000			7.000	7.000	
2	<b>Xã Xuân Trúc</b> Xây dựng nhà văn hoá thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Xuân Trúc	1750/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	9.792	4.500			4.500	4.500	
-	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT xã Vân Du (nay là xã Xuân Trúc)	UBND xã Xuân Trúc	1749/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	5.617	4.000			4.000	4.000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Cao Vân, xã Vân Du (nay là xã Xuân Trúc), Tuyến 1: từ ĐT.382B đến trạm biến thế thôn; Tuyến 2: từ ĐT.384 đến nhà ông Tâm.	UBND xã Xuân Trúc	1747/QĐ-UBND ngày 20/11/2025	9.753	7.000			7.000	7.000	
3	<b>Xã Châu Ninh</b> Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Đông Ninh (Đoạn đường từ ngõ ông Cộng đến ngã ba ao nhà ông Quân)	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Châu Ninh	677/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	31.500	19.000			19.000	19.000	
4	<b>Xã Triệu Việt Vương</b> Nhà hiệu bộ phòng học bộ môn và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Dạ Trạch, xã Phạm Hồng Thái	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Triệu Việt Vương	51/QĐ-UBND ngày 14/01/2026	27.500	5.000			5.000	5.000	
5	<b>Xã Việt Tiến</b>									

*(Chữ ký)*

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư hiện hành				Kế hoạch năm 2026 đã giao		Đề nghị giao bổ sung KH vốn năm 2026		Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng số	TMDT	Trong đó NS tỉnh hỗ trợ	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
-	Trường mầm non thôn Yên Lịch, xã Dân Tiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiên	315/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	14.980	2.000			2.000	2.000		
-	Xây dựng Nhà văn hóa thôn An Bình, xã Dân Tiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiên	317/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	9.634	5.000			5.000	5.000		
-	Cải tạo đường GTNT thôn Mậu Lâm và thôn Văn Trì, xã Dân Tiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiên	1907/QĐ-UBND ngày 25/12/2025	6.300	3.000			3.000	3.000		
-	Xây dựng Nhà văn hóa và sân thể thao Thị tứ Bó Thời, xã Đồng Tiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiên	318/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	12.000	5.000			5.000	5.000		
-	Nhà lớp học 2 tầng (6 phòng) Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Tiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Việt Tiên	319/QĐ-UBND ngày 27/02/2026	8.200	3.000			3.000	3.000		
<b>6</b>	<b>Xã Chí Minh</b>										
-	Khởi lớp học và Hiệu bộ 2 tầng Trường Mầm non Chí Tân	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Chí Minh	411/QĐ-UBND ngày 28/02/2026	14.800	3.000			3.000	3.000		
<b>7</b>	<b>Xã Yên Mỹ</b>										
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Từ Dương, xã Tân Minh (Đoạn từ nhà ông Chu đến giáp QL.39A và đoạn từ nhà ông Hồng đến giáp QL.39A)	Ban QLDA đầu tư xây dựng xã Yên Mỹ	1531/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	14.990	8.000			8.000	8.000		
<b>8</b>	<b>Xã Việt Yên</b>										
-	Xây dựng Khối nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Việt Yên	UBND xã Việt Yên	285/QĐ-UBND ngày 29/01/2026	14.990	6.000			6.000	6.000		
-	Trường THCS xã Yên Phú (Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ)	UBND xã Việt Yên	286/QĐ-UBND ngày 29/01/2026	40.000	18.000			18.000	18.000		

**Phụ lục số III**  
**KẾ HOẠCH BỔ SUNG VỐN CHO NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026**  
**(Nguồn thu tiền sử dụng đất)**

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2026		Ghi chú
				Tổng số	Nguồn thu sử dụng đất	
1	2	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>25.000</b>	<b>25.000</b>	
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Thái Bình	Bệnh viện Nhi Thái Bình	1169/QĐ-UBND ngày 28/6/2011; 1465/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	25.000	25.000	Trả gốc vay Ngân hàng Công thương theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 của HĐND tỉnh Thái Bình

*Handwritten signature*